

Tăng tỷ trọng

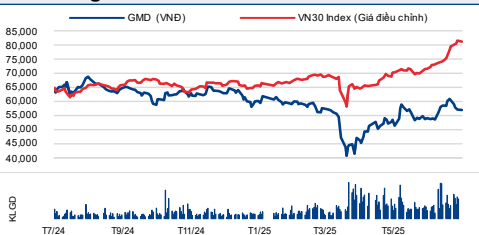
Giá mục tiêu: VNĐ66,000

Tiềm năng tăng/giảm: 15.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/7/2025)	57.000
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	40,841-68,745
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	57,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	23,951
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	916
Slg CP lưu hành (tr.đv)	420
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	206
Slg CP NN được mua (tr.đv)	39.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	39.7%
Tỷ lệ freefloat	95.7%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	4,832	4,819	5,385
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,218	2,643	2,883
LNTT (tỷ đồng)	2,080	2,240	2,325
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,334	1,391	1,442
FCF (tỷ đồng)	48.3	(1,884)	1,638
EPS ĐC (đồng)	3,222	3,311	3,432
DPS (đồng)	2,216	1,000	1,000
BVPS (đồng)	29,919	32,601	35,152
T.trưởng EBITDA (%)	25.5	19.2	9.10
T.trưởng EPS ĐC (%)	(51.9)	2.07	3.68
Tăng trưởng DPS (%)	(13.1)	(54.9)	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	54.8	53.5
Tỷ suất LNTT (%)	43.0	46.5	43.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	30.2	31.4	29.1
Tỷ lệ LN trả CT (%)	62.8	27.8	26.8
Nợ thuần/VCSH (%)	(14.4)	8.41	6.96
ROAE (%)	13.9	11.6	11.0
ROACE (%)	7.25	7.86	7.66
EV/doanh thu (lần)	4.58	4.81	4.22
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.99	8.76	7.88
P/E ĐC (lần)	17.7	17.2	16.6
P/B (lần)	1.91	1.75	1.62
Lợi suất cổ tức (%)	3.89	1.75	1.75

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

LNTT Q2/2025 tăng mạnh 32% so với cùng kỳ, vượt dự báo 7%

- LNTT Q2/2025 của GMD đạt 677 tỷ đồng (tăng 32% so với cùng kỳ) trong khi doanh thu thuần đạt 1.497 tỷ đồng (tăng 27% so với cùng kỳ). KQKD này vượt 7% so với dự báo LNTT của HSC ở mức 630 tỷ đồng, chủ yếu nhờ sản lượng hàng hóa tiếp nhận xử lý cao hơn kỳ vọng.
- Theo đó, trong nửa đầu năm 2025, LNTT đạt 1.260 tỷ đồng (tăng 3% so với cùng kỳ). Nếu không tính đến khoản lợi nhuận không thường xuyên từ thoái vốn cảng Nam Hải trong Q1/2024, LNTT từ HĐKD cốt lõi nửa đầu năm 2025 tăng mạnh 44% so với cùng kỳ, đạt 56% dự báo LNTT cả năm của chúng tôi.
- HSC đang xem xét lại dự báo của mình. GMD đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,0 lần, thấp hơn 1,5 độ lệch chuẩn so với bình quân 3 năm ở mức 20,4 lần – theo chúng tôi là mức định giá hấp dẫn.

Sự kiện: Công bố BCTC Q2/2025

GMD ghi nhận KQKD Q2/2025 vượt dự báo với LNTT đạt 677 tỷ đồng (tăng 32% so với cùng kỳ và 17% so với quý trước) và doanh thu thuần đạt 1.497 tỷ đồng (tăng 27% so với cùng kỳ và 16% so với quý trước). LNTT vượt 7% so với dự báo của HSC (630 tỷ đồng) và cao hơn 31% so với ước tính sơ bộ 517 tỷ đồng mà Công ty công bố tại ĐHCĐ ngày 24/6.

Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 2.774 tỷ đồng (tăng 27% so với cùng kỳ) và LNTT đạt 1.261 tỷ đồng (tăng 3% so với cùng kỳ). Nếu không tính đến khoản lợi nhuận không thường xuyên 338 tỷ đồng từ thoái vốn cảng Nam Hải trong Q1/2024, LNTT từ HĐKD cốt lõi nửa đầu năm 2025 tăng mạnh 44% so với cùng kỳ, đạt 56% dự báo cả năm của chúng tôi.

Sản lượng tăng mạnh thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong Q2/2025

Tăng trưởng lợi nhuận tốt trong Q2/2025 của GMD được hỗ trợ bởi sản lượng cải thiện tại cảng Nam Đình Vũ (GMD sở hữu 60% cổ phần) và đóng góp lợi nhuận lớn hơn từ cảng Gemalink (GMD sở hữu 75% cổ phần), cụ thể như sau:

- Cảng Nam Đình Vũ đã tiếp nhận xử lý 387.000 TEU hàng hóa trong Q2/2025 (tăng 27% so với cùng kỳ, tăng 8% so với quý trước) nhờ cảng nhận thêm các tuyến dịch vụ mới sau khi kênh Hà Nam hoàn thành nạo vét từ Q3/2024. Ngoài ra, việc đẩy mạnh xuất hàng nhằm tránh mức thuế cao hơn từ thị trường Mỹ cũng hỗ trợ nhẹ cho sản lượng trong Q2/2025. Lưu ý, thị trường Mỹ đóng góp khoảng 5% tổng sản lượng của Nam Đình Vũ.

Sản lượng của **Gemalink** đạt 452.000 TEU trong Q2/2025, đi ngang so với cùng kỳ và tăng 3% so với quý trước.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025, GMD

Lợi nhuận Q2/2025 cải thiện mạnh nhờ sản lượng tích cực

Tỷ đồng	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ	% hoàn thành dự báo 2025
Doanh thu thuần	1,497	27%	17%	2,774	27%	58%
LNTT	677	32%	16%	1,261	3%	56%
Lợi nhuận thuần	423	39%	5%	826	-4%	55%
LNTT cốt lõi	677	32%	16%	1,261	43%	56%

Nguồn: GMD, HSC

Dù sản lượng không tăng so với cùng kỳ, lợi nhuận từ Gemalink đóng góp cho GMD trong Q2/2025 tăng mạnh 49% so với cùng kỳ lên 159 tỷ đồng (đi ngang so với quý trước), nhờ cơ cấu hàng hóa cải thiện, khi khoảng 20% sản lượng của Q2/2024 là hàng chuyển tải có tỷ suất lợi nhuận thấp (do chuyển từ cảng Singapore bị tắc nghẽn), so với mức bình thường chỉ khoảng 5% là hàng chuyển tải. Chi phí lãi vay giảm do dư nợ giảm cũng góp phần nâng cao lợi nhuận của Gemalink. So với quý trước, mức tăng 3% sản lượng của Gemalink chủ yếu đến từ việc đẩy mạnh xuất hàng để tránh thuế cao như đã đề cập ở trên.

Lưu ý rằng mặc dù GMD nắm giữ 75% cổ phần tại Gemalink nhưng cảng này không được hợp nhất vào BCTC của GMD mà được ghi nhận là lợi nhuận từ công ty liên kết của GMD theo điều lệ của Gemalink.

Theo đó, trong nửa đầu năm 2025, cảng Nam Đình Vũ đã tiếp nhận xử lý 744.224 TEU hàng hóa (tăng 28% so với cùng kỳ) và Gemalink đạt sản lượng 899.000 TEU (tăng 11% so với cùng kỳ). Sản lượng tăng trưởng mạnh từ cả hai cảng là yếu tố chính giúp LNTT từ HĐKD cốt lõi của GMD trong nửa đầu năm 2025 tăng mạnh 44% so với cùng kỳ đạt 1.261 tỷ đồng.

Ngoài ra, chi phí bán hàng & quản lý trong Q2/2025 là 205 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ, giảm 3% so với quý trước). Nhờ doanh thu tăng mạnh (tăng 27% so với cùng kỳ và 17% so với quý trước) như đã đề cập, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm xuống mức 13,7%, so với 17,0% trong Q2/2024 và 16,6% trong Q1/2025. Tính chung nửa đầu năm, chi phí bán hàng & quản lý là 417 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ), theo đó tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm xuống mức 15,0% từ 16,6% trong nửa đầu năm 2024.

Ngoài ra, lợi nhuận tài chính trong Q2/2025 cải thiện đáng kể lên 8,6 tỷ đồng, so với 0,6 tỷ đồng trong Q1/2025 và lỗ tài chính 18 tỷ đồng trong Q2/2024, chủ yếu nhờ thu nhập lãi tiền gửi tăng do dòng tiền mạnh hơn. Tuy nhiên, tính chung nửa đầu năm 2025, lợi nhuận tài chính chỉ đạt 9,2 tỷ đồng, giảm mạnh so với 299 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2024, do không còn ghi nhận khoản lợi nhuận không thường xuyên 338 tỷ đồng từ thoái vốn cảng Nam Hải.

Gemalink có thêm tuyến dịch vụ mới từ cuối tháng 7

Theo GMD, Công ty sẽ tiếp nhận một tuyến dịch vụ mới đi châu Âu tại cảng Gemalink từ cuối tháng 7/2025. Như vậy, trong 7 tháng đầu năm 2025, GMD sẽ tiếp nhận tổng cộng năm tuyến dịch vụ mới, đều không đến thị trường Mỹ.

Mặc dù sản lượng đóng góp cụ thể từ tuyến dịch vụ mới này chưa được tiết lộ nhưng việc mở rộng sang các thị trường khác sẽ giúp giảm tỷ trọng sản lượng từ thị trường Mỹ xuống dưới 20%, so với mức 32% trong năm 2024. Đây là một bước đi quan trọng nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan đến nguy cơ tăng thuế đối với hàng xuất khẩu sang Mỹ.

Xem xét lại dự báo

KQKD Q2/2025 của GMD vượt dự báo của HSC cùng với việc bổ sung tuyến dịch vụ mới tại cảng Gemalink khiến chúng tôi xem xét lại các dự báo hiện tại. Cho năm 2025, chúng tôi hiện dự báo LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 2.240 tỷ đồng (tăng trưởng 13%).

Tiềm năng KQKD vượt dự báo của HSC còn đến từ khả năng ghi nhận lợi nhuận từ việc thoái vốn các dự án cao su, khi GMD đặt kế hoạch thoái vốn dự án này trong năm nay. Ngoài ra, Công ty cũng đang tìm kiếm nhà đầu tư để thoái 24% vốn cổ phần tại cảng Gemalink. Mục tiêu chính của động thái này là để hợp tác với một hãng tàu mới nhằm hỗ trợ các dự án cảng trong tương lai và đảm bảo nguồn hàng cho giai đoạn 2 của Gemalink, dự kiến đi vào hoạt động từ năm 2027. Chúng tôi hiện chưa đưa vào mô hình dự báo các dự án thoái vốn này.

Trong ngắn hạn, yếu tố hỗ trợ cho giá cổ phiếu đến từ khả năng tăng giá sản dịch vụ xếp dỡ tại các cảng nước sâu, bao gồm cả cảng Gemalink. GMD kỳ vọng đề xuất tăng giá sản dịch vụ xếp dỡ sẽ được phê duyệt trong nửa cuối năm 2025. Đề xuất hiện tại là tăng khoảng 10% so với mức giá hiện hành. Chúng tôi đã đưa yếu tố này vào mô hình dự báo.

Chúng tôi hiện khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 66.000đ (tiềm năng tăng giá 15,8%). GMD đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,0 lần, thấp hơn 1,5 độ lệch chuẩn so với bình quân 3 năm ở mức 20,4 lần – theo chúng tôi là mức định giá hấp dẫn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	3,846	4,832	4,819	5,385	6,078
Lợi nhuận gộp	1,776	2,162	2,200	2,404	2,835
Chi phí BH&QL	(660)	(816)	(814)	(910)	(1,027)
Thu nhập khác	(69.0)	(611)	(48.2)	(53.9)	(60.8)
Chi phí khác	53.1	262	24.1	26.9	30.4
EBIT	1,100	996	1,361	1,468	1,778
Lãi vay thuần	1,772	267	38.0	(12.4)	44.4
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	272	816	840	869	881
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	3,144	2,080	2,240	2,325	2,704
Chi phí thuế TNDN	(642)	(174)	(263)	(274)	(343)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(280)	(446)	(465)	(483)	(605)
LNST không thường xuyên	-	(9.00)	-	-	-
Lợi nhuận thuần	2,222	1,459	1,512	1,568	1,756
Lợi nhuận thuần ĐC	2,158	1,334	1,391	1,442	1,615
EBITDA ĐC	1,767	2,218	2,643	2,883	3,205
EPS (đồng)	7,335	3,525	3,598	3,731	4,178
EPS ĐC (đồng)	7,126	3,222	3,311	3,432	3,844
DPS (đồng)	2,551	2,216	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	303	414	420	420	420
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	306	414	420	420	420
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	306	414	420	420	420

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,474	3,964	2,561	2,361	3,356
Đầu tư ngắn hạn	356	1,021	3,377	3,774	4,259
Phải thu khách hàng	1,212	1,235	1,241	1,392	1,578
Hàng tồn kho	68.2	83.4	85.4	95.5	108
Các tài sản ngắn hạn khác	290	372	371	414	467
Tổng tài sản ngắn hạn	3,401	6,676	7,635	8,037	9,768
TSCĐ hữu hình	3,894	3,786	6,145	5,599	5,053
TSCĐ vô hình	258	247	239	230	221
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,799	1,766	1,444	1,457	1,471
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,083	3,792	4,492	5,586	5,586
Tài sản dài hạn khác	1,107	1,719	1,308	1,458	1,640
Tổng tài sản dài hạn	10,141	11,310	13,629	14,331	13,971
Tổng cộng tài sản	13,542	17,986	21,264	22,368	23,739
Nợ ngắn hạn	446	422	558	624	704
Phải trả người bán	508	462	723	808	912
Nợ ngắn hạn khác	901	1,146	1,120	1,252	1,412
Tổng nợ ngắn hạn	1,936	2,107	2,503	2,797	3,157
Nợ dài hạn	1,518	1,745	3,149	2,759	2,369
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	381	380	477	533	602
Tổng nợ dài hạn	1,899	2,125	3,626	3,292	2,971
Tổng nợ phải trả	3,836	4,232	6,129	6,090	6,128
Vốn chủ sở hữu	8,558	12,386	13,699	14,771	16,028
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,149	1,368	1,436	1,508	1,583
Tổng vốn chủ sở hữu	9,707	13,753	15,135	16,278	17,611
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,542	17,986	21,264	22,368	23,739
BVPS (đ)	27,975	29,919	32,601	35,152	38,144
Nợ thuần*/(tiền mặt)	490	(1,797)	1,146	1,022	(283)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	1,100	996	1,361	1,468	1,778
Khấu hao	(395)	(406)	(441)	(546)	(546)
Lãi vay thuần	1,772	267	38.0	(12.4)	44.4
Thuế TNDN đã nộp	(625)	(242)	(263)	(274)	(343)
Thay đổi vốn lưu động	(836)	(5.03)	(1,848)	(848)	(954)
Khác	(2,268)	(681)	(104)	7.66	9.37
LCT thuần từ HKKD	(88.2)	1,647	926	1,648	1,735
Đầu tư TS dài hạn	(1,068)	(1,598)	(2,810)	(9.82)	(10.1)
Góp vốn & đầu tư	(803)	(1,224)	(701)	(1,094)	0
Thanh lý	2,447	382	0	0	0
Khác	437	944	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,013	(1,497)	(3,510)	(1,104)	(10.1)
Cổ tức trả cho CSH	(780)	(917)	(420)	(420)	(420)
Thu từ phát hành CP	45.2	3,059	62.1	0	0
Tăng/giảm nợ	(45.3)	220	1,540	(324)	(310)
Khác	(35.4)	(24.9)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(816)	2,337	1,182	(745)	(730)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,364	1,474	3,964	2,561	2,361
LCT thuần trong kỳ	109	2,487	(1,403)	(200)	995
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.49	3.15	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,474	3,964	2,561	2,361	3,356
Dòng tiền tự do	(1,156)	48.3	(1,884)	1,638	1,725

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	46.2	44.7	45.6	44.6	46.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	45.9	54.8	53.5	52.7
Tỷ suất LNT (%)	57.8	30.2	31.4	29.1	28.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.4	8.39	11.7	11.8	12.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	(1.34)	25.6	(0.28)	11.8	12.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(4.16)	25.5	19.2	9.10	11.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	136	(38.2)	4.30	3.68	12.0
Tăng trưởng EPS (%)	122	(51.9)	2.07	3.68	12.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	135	(54.8)	2.76	3.68	12.0
Tăng trưởng DPS (%)	79.6	(13.1)	(54.9)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.8	62.8	27.8	26.8	23.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	13.9	11.6	11.0	11.4
ROACE (%)	10.3	7.25	7.86	7.66	8.86
Vòng quay tài sản (lần)	0.29	0.31	0.25	0.25	0.26
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(0.08)	1.65	0.68	1.12	0.98
Số ngày tồn kho	12.0	11.4	11.9	11.7	12.1
Số ngày phải thu	214	169	173	171	178
Số ngày phải trả	89.6	63.1	101	98.9	103
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	5.78	(14.4)	8.41	6.96	(1.72)
Nợ/tài sản (%)	14.5	12.1	17.5	15.2	13.0
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	118	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.32	1.55	2.06	1.68	1.33
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.76	3.17	3.05	2.87	3.09
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	4.87	4.58	4.81	4.22	3.45
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.6	9.99	8.76	7.88	6.55
P/E (lần)	7.77	16.2	15.8	15.3	13.6
P/E ĐC (lần)	8.00	17.7	17.2	16.6	14.8
P/B (lần)	2.04	1.91	1.75	1.62	1.49
Lợi suất cổ tức (%)	4.48	3.89	1.75	1.75	1.75

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn